

Phụ lục số 1

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN THÁP MƯỜI

(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

Số TT	Tên xã	Các tiêu chí thực hiện																			Số tiêu chí từng xã đạt
		Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập năm 2019	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và An ninh	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
1	Xã Mỹ Đông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	19
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt						14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt		
			2.4 Đạt						8.4 Đạt									17.4 Đạt	18.4 Đạt		
																		17.5 Đạt	18.5 Đạt		
																		17.6 Đạt	18.6 Đạt		
																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			
2	Xã Thanh Mỹ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	19
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt						14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt		
			2.4 Đạt						8.4 Đạt									17.4 Đạt	18.4 Đạt		
																		17.5 Đạt	18.5 Đạt		
																		17.6 Đạt	18.6 Đạt		
																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			
3	Xã Mỹ An	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	19
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt						14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt		
			2.4 Đạt						8.4 Đạt									17.4 Đạt	18.4 Đạt		
																		17.5 Đạt	18.5 Đạt		
																		17.6 Đạt	18.6 Đạt		
																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			
4	Xã Đốc Bình Kiều	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	18
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Không đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt						14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt		
			2.4 Đạt						8.4 Đạt									17.4 Đạt	18.4 Đạt		
																		17.5 Đạt	18.5 Đạt		
																		17.6 Đạt	18.6 Đạt		
																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			
5	Xã Mỹ Hòa	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	19
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt						14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt		
			2.4 Đạt						8.4 Đạt									17.4 Đạt	18.4 Đạt		
																		17.5 Đạt	18.5 Đạt		
																		17.6 Đạt	18.6 Đạt		
																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			



																		17.7 Đạt			
																		17.8 Đạt			
12	Xã Thạnh Lợi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt	18
		1.1 Đạt	2.1 Đạt	3.1 Đạt	4.1 Đạt	5 Đạt	6.1 Đạt	7 Đạt	8.1 Đạt	9.1 Đạt	10 Đạt	11. Đạt	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt	16. Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt	
		1.2 Đạt	2.2 Đạt	3.2 Đạt	4.2 Đạt		6.2 Đạt		8.2 Đạt	9.2 Đạt				13.2 Đạt	14.2 Đạt	15.2 Đạt		17.2 Đạt	18.2 Đạt	19.2 Không đạt	
			2.3 Đạt				6.3 Đạt		8.3 Đạt					14.3 Đạt	15.3 Đạt		17.3 Đạt	18.3 Đạt			
			2.4 Đạt						8.4 Đạt								17.4 Đạt	18.4 Đạt			
																	17.5 Đạt	18.5 Đạt			
																	17.6 Đạt	18.6 Đạt			
																	17.7 Đạt				
																	17.8 Đạt				
		Số xã đạt tiêu chí		12	12	12	12	12	11	12	12	12	12	12	12	12	11	12	12	12	9

Phụ lục số 2

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA HUYỆN THÁP MƯỜI

(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

Số TT	Tên xã	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Sản xuất và Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Cảnh quan, Môi trường	An ninh trật tự	Cải cách hành chính	Số tiêu chí từng xã đạt
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Xã Mỹ Đông	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	18
		1. Đạt	2.1. Đạt 100%	3.2. Đạt	4.100% (Đạt)	5.100% (Đạt)	6. Đạt	7.1 Đạt	8. đạt 79,9%	9. Đạt	58,04 tr/người/năm	11. Đạt (0%)	12. Đạt 96,81%	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt 90,34%	16.1 Đạt	17.1 đạt 100%	18.1. Đạt	19.1 Đạt	
			2.2. Đạt 100%	3.2. Đạt 99,8%				7.2. Đạt 100%						13.2 Đạt	14.2 Đạt 65,86%	15.2. Đạt	16.2 100%	17.2 Đạt 76,92%	18.2. Đạt 100%	19.2 Đạt	
								7.3. Đạt 100%						13.3 Cây lúa 100% Cây rau màu 88% Cây ăn trái 42,45%	14.3 Đạt 100%	15.3. 12,29%	16.3 Đạt	17.3 Đạt			
																15.4. Đạt	16.4 Đạt	17.4 Đạt			
																	16.5 Đạt	17,5 Đạt			
																		17.6 Đạt 71,32%			
2	Xã Thanh Mỹ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	18
		1. Đạt	2.1. Đạt 95%	3.2. Đạt	4. Đạt 100%	5. Đạt 100%	6. Đạt	7.1 Đạt	8. Đạt 76,8%	9. Đạt	Chưa Đạt 56,67 tr/người/năm	11. Đạt 1,71%	12. Đạt 99,4%	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 đạt 90,51%	16.1 Đạt	17.1 đạt 96,4%	18.1. Đạt	19.1 Đạt	
			2.2. Đạt 100%	3.2. Đạt 99,8%				7.2. Đạt 100%						13.2 Đạt	14.2 Đạt 65,4%	15.2. Đạt	16.2 100%	17.2 Đạt	18.2. Đạt 100%	19.2 Đạt	
								7.3. Đạt 100%						13.3 Cây lúa 95% Cây rau màu 85% Cây ăn trái 50%	14.3 Đạt 100%	15.3. 18,9%	16.3 Đạt	Không thực hiện			
																15.4. Đạt	16.4 Đạt	17.4 Đạt			
																	16.5 Đạt	Không thực hiện			
3	Xã Mỹ An	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	16
		1. Đạt	2.1 Đạt	3.1. Đạt (100%)	4. Đạt (75%)	5. Đạt (100%)	6. Đạt	7.1 Đạt	8. Đạt (76%)	9. Chưa đạt	10. Chưa đạt (50 triệu)	11. Đạt (1,66%)	12. Đạt	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt (93,18)	16.1 Đạt	17.1 Đạt (100%)	18.1 Đạt (99%)	19.1 Đạt	
			2.2 Đạt	3.2. Đạt				7.2 Đạt						13.2. Đạt	14.2 Chưa đạt (57,77%)	15.2 Đạt	16.2 Đạt	17.2 Đạt	18.2 Đạt (100%)	19.2 Đạt	
								7.3 Đạt						13.3 Cây lúa 90% Cây rau màu 100% Cây ăn trái 50%	14.3 Đạt	15.3 Đạt (18,45)	16.3 Đạt	17.3 Đạt			
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.4 Đạt			

																	16.5 Đạt	17.5 Đạt				
																		17.6 Đạt (76%)				
4	Xã Đốc Bình Kiều	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	13
		1. Đạt	2.1 Đạt	3.1. Đạt	4. Đạt (100%)	5. Đạt (100%)	6. Đạt	7.1 Đạt	8. Đạt (77,29%)	9. Đạt	10. Chưa đạt (55 triệu)	11. Đạt (1,93%)	12. Chưa Đạt (92,47%)	13.1 Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt (91,06%)	16.1 Chưa Đạt	17.1 Chưa Đạt (94,78%)	18.1 Chưa Đạt (99%)	19.1 Đạt		
			2.2 Đạt	3.2. Đạt (99,92%)				7.2 Đạt						13.2. đạt	14.2 Chưa đạt (54,48%)%	15.2 Đạt	16.2 Đạt	17.2 Đạt	18.2 Đạt (100%)	19.2 Đạt		
								7.3 Đạt						13.3. Đạt	14.3 Đạt (100%)	15.3 Đạt (18,63%)	16.3 Đạt	17.3 Đạt				
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.4 Chưa đạt				
																	16.5 Đạt	17.5 Đạt				
																			17.6 Chưa Đạt (59,92%)			
5	Xã Mỹ Hòa	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	14		
		1.1 Chưa Đạt	2.1 đạt (100%)	3.1. Đạt	4. Đạt (100%)	5.1 đạt (100%)	6.1 đạt	7.1 Đạt	8.1 Đạt (79,12)	9. Đạt	10. Chưa đạt	11. Đạt (1,97%)	12. Đạt (99,26%)	13.1 Chưa Đạt	14.1 Đạt	15.1 Đạt (91,53%)	16.1 Đạt	17.1 Đạt	18.1 đạt	19.1 Đạt		
			2.2 đạt	3.2. Đạt (99,62)				7.3 Đạt						13.2 Đạt	14.2 Chưa đạt (53,36)	15.2 Đạt	16.2 Đạt (100%)	17.2 Chưa Đạt	18.2 Đạt	19.2 Đạt		
								7.2 Đạt						13.3Đạt	14.3 Đạt (100%)	15.3 Đạt (17,46)	16.3 Đạt	17.3 Đạt				
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.3 Đạt				
																	16.5 Đạt	17.3 Đạt				
																			17.6 Chưa đạt (51,9%)			
6	Trường Xuân	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	14		
		1. Đạt	2.1 đạt (88,56%)	3.1. Đạt	4. 1 Đạt (100%)	5.1 đạt (100%)	6.1 Đạt	7.1 Đạt	8.1 Đạt (77,7%)	9. Đạt	10. Chưa Đạt	11. Chưa đạt (2,85%)	12.Đạt (97%)	13.1 Đạt	14.1 đạt	15.1 Chưa Đạt (84,04%)	16.1 Đạt	17.1 Đạt	18.1 Đạt	19.1 Đạt		
			2.2 đạt (100%)	3.2. Đạt (100%)				7.2 Đạt						13.2 Chưa đạt	14.2 Chưa đạt (55,22%)	15.2 Đạt	16.2 Đạt (83,3%)	17.2 Đạt	18.2 đạt	19.2 Đạt		
								7.3 Đạt						13.3 đạt	14.3 đạt	15.3 Đạt (18,93%)	16.3 Đạt	17.3 đạt				
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.4 đạt				
																	16.5 Đạt	17.5 đạt				
																		17.6 đạt (70%)				
7	Xã Mỹ Quý	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	10	
		1. Đạt	2.1 đạt	3.1. Đạt	4. 1 Đạt	5.1 đạt	6.1 Đạt	7.1 Đạt	8.1 Đạt (75,01%)	9. Chưa đạt	10. Chưa đạt (55,1 trđ)	11. Đạt (1,31%)	12. Chưa đạt (93,55%)	13.1 Chưa Đạt	14.1 đạt	15.1 Chưa Đạt (85,28%)	16.1 Đạt	17.1 Chưa đạt	18.1 Chưa đạt	19.1 Đạt		
			2.2 đạt	3.2. Đạt				7.2 Đạt						13.2 đạt	14.2 đạt (99,18%)	15.2 Đạt	16.2 chưa Đạt	17.2 Đạt	18.2 đạt	19.2 Đạt		
								7.3 Đạt						13.3 đạt	14.3 Chưa đạt (65,37%)	15.3 Đạt	16.3 Đạt	17.3 đạt				
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.4 đạt				
																	16.5 Đạt	17.5 đạt				
																			17.6 đạt (74,2%)			
		Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Chưa Đạt	Đạt	Đạt	12	



12	Thạnh Lợi	1. Đạt	2.1 đạt (93,53%)	3.1. Đạt	4. 1 Đạt (100%)	5.1 Đạt (100%)	6.1 Chưa Đạt	7.1 Chưa Đạt	8.1 Đạt (74,3%)	9. Đạt	10. Chưa đạt (45,6 trđ)	11. Đạt (1,95%)	12. Đạt (98,39%)	13.1 Chưa Đạt	14.1 đạt	15.1 Chưa Đạt (86,84%)	16.1 Chưa Đạt	17.1 Chưa đạt (96,81%)	18.1 Chưa đạt	19.1 Đạt	
			2.2 đạt	3.2. Chưa Đạt (98,69%)				7.2 Đạt						13.2 Đạt	14.2 Chưa đạt (50,63%)	15.2 Đạt	16.2 Chưa Đạt (75%)	17.2 đạt	18.2 Chưa Đạt (50%)	19.2 Đạt	
								7.3 Đạt						13.3 Đạt	14.3 đạt	15.3 Đạt	16.3 Đạt	17.3 đạt			
																15.4 Đạt	16.4 Đạt	17.4 đạt			
																	16.5 Đạt	17.5 đạt			
																			17.6 Chưa đạt (35%)		
Số xã đạt TC		9	12	9	12	12	10	10	12	8	0	9	10	5	2	6	8	4	9	12	13,3

Phụ lục 3

**ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CHI TIẾT THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**

(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan phụ trách	Kết quả đánh giá do ngành phụ trách	Chi tiết nội dung các tiêu chí chưa đạt	Lộ trình thực hiện tiêu chí trong giai đoạn 2021 - 2025					Ghi chú
							Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn	UBND cấp tỉnh quy định	Phòng NN-PTNT; KTHT; TNMT	Chưa Đạt	Chưa có Quy hoạch	Đề xuất quy hoạch	Lập quy hoạch	Phê duyệt quy hoạch	Đạt	Đạt	
		1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt		Phòng KTHT	Chưa đạt	Có quy hoạch xây dựng các bến xe tải tại Khu Công nghiệp Tân Kiều, CCN Trường Xuân và đô thị Mỹ An, đô thị Trường Xuân	-	Quy hoạch xây dựng bến xe tải Khu công nghiệp Tân Kiều	Quy hoạch xây dựng bến xe tải đô thị Mỹ An	Quy hoạch xây dựng bến xe tải cụm công nghiệp Trường Xuân	Quy hoạch xây dựng bến xe tải đô thị Trường Xuân	
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	Phòng KTHT	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục về an toàn giao thông cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ...) theo quy định	100%	Phòng KTHT	Đạt	Hiện tại bên xe khách tại trung tâm huyện mới đạt chuẩn loại IV (DT 25000 m2), theo quy định bến xe khách loại III DT tối thiểu 5000m2	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt		Chưa đạt	lập và phê duyệt quy hoạch bến xe	Ghi vốn	Triển khai thực hiện	Triển khai thực hiện	Đạt		
3	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	3.1. Các công trình thủy lợi do huyện quản lý được bảo trì và nâng cấp	Đạt	Phòng NN&PTNT	Đạt		Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	Nâng chất tiêu Chí	
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện	Đạt	Phòng NN&PTNT; Phòng TMMT	Chưa đạt	Chưa có Đề án phê duyệt cấp mốc	Xin chủ trương	Lập và phê duyệt Đề án	Đạt	Đạt	Đạt	
		3.3. Đảm bảo chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Phòng NN&PTNT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	



4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	Phòng KTHT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
5	Y tế - Văn hóa Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 95%	Phòng Y tế	Chưa Đạt (90,67%)		91	93	94	Đạt	Đạt	
		5.2. Có công viên, hoặc quảng trường hoặc trung tâm văn hóa huyện được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời	UBND cấp tỉnh quy định	Phòng VH TT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống và các di sản văn hóa trên địa bàn được bảo tồn và phát huy hiệu quả			Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt	Phòng GD&ĐT	Chưa Đạt (Có 3/5 Trường)	Còn 02 trường chưa đạt chuẩn QG (THPT Đốc Bình Kiều, THPT Trường Xuân)	Duy trì, nâng chất các trường đã đạt	Duy trì, nâng chất các trường đã đạt	Duy trì, nâng chất các trường đã đạt	Đạt	Đạt	
		5.5. Có trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên hoạt động hiệu quả	Đạt		Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lắp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm công nghiệp được lắp đầy từ 50% trở lên, hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ hoặc có ít nhất 01 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ cao và được cấp mã vùng	Đạt	Phòng KTHT; Phòng NN-PTNT	Chưa đạt	Huyện đang kêu gọi đầu tư						
		6.2. Có chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại 2, hoặc trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn đạt chuẩn, hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Phòng KTHT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.3. Có cổng thông tin thương mại điện tử của huyện hoặc có nội dung thành phần về thông tin thương mại điện tử trên Cổng thông tin điện tử của huyện được duy trì, cập nhật thường xuyên	Đạt	Văn phòng HĐND&UBND	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	Phòng NN&PTNT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	≥ 95%	Phòng TNMT	Chưa đạt	Đạt được 30%	50%	70%	85%	Đạt ≥ 95%	Đạt ≥ 95%	
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý đúng quy định	100%	Phòng TNMT	Đạt		100%	100%	100%	100%	100%	
		7.3. Tỷ lệ chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	≥ 80%	Phòng TNMT	Đạt		≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%	

7	Môi trường	7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác tại nguồn	≥ 50%	Phòng TNMT	Chưa đạt	Chưa thống kê số liệu	30%	35%	40%	Đạt ≥ 50%	Đạt ≥ 50%	
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥ 50%	Phòng TNMT	Chưa đạt	Chưa có hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt	30%	35%	40%	Đạt ≥ 50%	Đạt ≥ 50%	
		7.6. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn huyện (nếu có) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đạt	Phòng TNMT	Chưa đạt	Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn	Đạt	Phòng NN&PTNT	Chưa đạt	Kêu gọi XD nhà máy nước mặt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Đạt	Đạt	
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 40%	Phòng NN&PTNT	Đạt	Duy trì	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.3. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥ 01	Phòng TNMT	Chưa đạt	Chưa có mô hình xử lý nước mặt	0	0	Đạt ≥ 01	Đạt ≥ 01	Đạt ≥ 01	
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn	Đạt	Phòng KTHT	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Phòng Y Tế	Đạt	Duy trì	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	Công an huyện	Đạt	Duy trì	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.2. Không có xã, thị trấn trọng. điểm phức tạp về an ninh, trật tự theo quy định	Đạt		Đạt	Duy trì	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.3. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Đạt	Phòng Nội vụ	Đạt	Duy trì, nâng chất	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

**Phụ lục 4**  
**LỘ TRÌNH XÂY DỰNG CÁC XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

TT	Xã	Số tiêu chí NTM nâng cao đạt được đến 31/12/2020	Lộ trình phấn đấu cụ thể					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Xã Mỹ Đông	18/19	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập” đạt $\geq$ 61 triệu đồng/người/năm. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo chuyên đề “Môi Trường”	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
2	Xã Thanh Mỹ	18/19	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập” đạt $\geq$ 61 triệu đồng/người/năm. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu theo chuyên đề “An ninh trật tự - hành chính công”	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
3	Xã Mỹ An	16/19	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 09 “Quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực”; chỉ tiêu 14.2 “Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo hàng năm”.	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
4	Xã Đốc Bình Kiều	13/19	Xây dựng hoàn thành 04 tiêu chí gồm: tiêu chí 12 “Lao động có việc làm”, chỉ tiêu 14.2 “Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo hàng năm”; chỉ tiêu 16.1 “Xã đạt chuẩn văn hóa NTM”; chỉ tiêu 18.1 “An toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên”	- Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 10 “Thu nhập”; Tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
5	Xã Mỹ Hòa	14/19	Xây dựng hoàn thành chỉ tiêu 14.2 “Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo hàng năm”	Xây dựng hoàn thành tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”	- Xây dựng hoàn thành 03 tiêu chí gồm: tiêu chí 02 “Giao thông”; tiêu chí 10 “Thu nhập” và tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
6	Xã Trường Xuân	14/19	Duy trì và nâng chất các tiêu chí xã NTM theo hướng NTM nâng cao	Xây dựng hoàn thành 04 tiêu chí gồm: tiêu chí 11 “Hộ nghèo”; tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”; chỉ tiêu 14.2 “Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo hàng năm”; chỉ tiêu 15.1 “Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế”.	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phấn đấu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	

7	Xã Mỹ Quý	10/19	Xây dựng hoàn thành 05 tiêu chí gồm: tiêu chí 14 “Giáo dục”; tiêu chí 15 “Y tế”; tiêu chí 16 “Văn hóa”; tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường”; tiêu chí 18 “An ninh trật tự”	Xây dựng hoàn thành 03 tiêu chí gồm: tiêu chí số 9 “Quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực”; tiêu chí 12 “Lao động có việc làm”; tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Nâng cao chất lượng tiêu chí 10 "Thu nhập".	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
8	Xã Phú Điền	12/19	Xây dựng hoàn thành 06 tiêu chí gồm: tiêu chí 01 “Giao thông”; tiêu chí số 07 “Thông tin và Truyền thông”; tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”; tiêu chí 14 “Giáo dục”; chỉ tiêu 15.1 “Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế”, tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Nâng cao chất lượng tiêu chí 10 “Thu nhập”.	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Nâng cao chất lượng tiêu chí 10 “Thu nhập”.	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu.	
9	Xã Láng Biển	12/19	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 14 “Giáo dục” và tiêu chí 15 “Y Tế”	Xây dựng hoàn thành 03 tiêu chí gồm: tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”; tiêu chí số 17 “Cảnh quan - Môi trường” và tiêu chí 09 “Quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực”	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Nâng cao chất lượng tiêu chí 01 “Giao thông”, tiêu chí 10 “Thu nhập”.	- Duy trì và nâng chất các tiêu chí đạt chuẩn tiêu chí xã NTM nâng cao theo hướng NTM kiểu mẫu chuyên đề. - Nâng cao chất lượng tiêu chí 01 “Giao thông”, tiêu chí 10 “Thu nhập”.	- Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 01 “Giao thông” và 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu, mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	
10	Xã Tân Kiều	10/19	Xây dựng hoàn thành 03 tiêu chí gồm: tiêu chí 03 “Điện”; tiêu chí 11 “ Hộ nghèo”; tiêu chí 16 “Văn hóa”	Xây dựng hoàn thành tiêu chí 06 “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn”	Xây dựng hoàn thành tiêu chí 09 “ Quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực”	Xây dựng hoàn thành 03 tiêu chí gồm: tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất”; tiêu chí 14 “Giáo dục”; tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu, mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	
11	Xã Hưng Thạnh	13/19	Duy trì và nâng chất các tiêu chí xã NTM theo hướng NTM nâng cao	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 14 “Giáo dục” và chỉ tiêu 3.2 “tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn”	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 11 “Hộ nghèo”; tiêu chí 15 “Y Tế”	Xây dựng hoàn thành tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường”	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu, mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	
12	Xã Thạnh Lợi	09/19	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 15 “Y Tế”; tiêu chí 16 “Văn hóa”	Xây dựng hoàn thành 04 tiêu chí gồm: tiêu chí 07 “Thông tin và Truyền thông”; tiêu chí 13 “Sản xuất và tổ chức lại sản xuất” và tiêu chí 17 “Cảnh quan - Môi trường và tiêu chí 18 “An ninh trật tự”	Xây dựng hoàn thành 02 tiêu chí gồm: tiêu chí 03 “Điện”; tiêu chí 14 “Giáo dục”	Xây dựng hoàn thành tiêu chí 06 “Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn”	- Xây dựng hoàn thành tiêu chí 10 “Thu nhập”. - Xã có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu, mỗi ấp phần đầu có ít nhất 01 mô hình kiểu mẫu. - Xã đạt chuẩn NTM nâng cao.	

**Phụ lục 5**  
**ĐĂNG KÝ MÔ HÌNH KIỂU MẪU**

(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)

STT	Xã	Tên mô hình đăng ký	Địa điểm	Nội dung thực hiện	Quy mô thực hiện		Dự trù kinh phí thực hiện (Triệu đồng)	Ghi chú
					ĐVT	Quy mô		
1	Mỹ Đông	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>611.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp 1	Tuyến bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ	m	2.700	81.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp 2	Tuyến bờ Bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ	m	3.400	100.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp 3	Tuyến bờ Nam kênh Liên 8 trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ	m	3.700	120.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp 4	Tuyến ĐT 850 trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ	m	2.000	100.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp 5	Tuyến bờ Đông kênh Ông Hai trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ	m	2.000	60.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu	Áp 1	Cải tạo vườn cây ăn trái	ha	0,30	150.000.000	
		<b>Tổng kinh phí</b>					<b>7.312.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp Lợi An	Tuyến bờ Bờ Nam kênh Nhất trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ, thấp sáng đường quê	m	5.800	348.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp Mỹ Thạnh	Tuyến bờ Tây Nguyễn Văn Tiếp B, trồng bông hoa chính trang hàng rào, cổng ngõ, thấp sáng đường quê	m	3.300	198.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Áp Lợi Hòa	Tuyến bờ Đông kênh 307, trồng bông hoa chính trang hàng rào cổng ngõ	m	1.200	22.000.000	

2	Thanh Mỹ	Tuyến đường kiểu mẫu	Ấp Hưng Lợi	Tuyến Bờ Tây kênh Nguyễn Văn Tiếp B rộng bông hoa chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ, thấp sáng đường quê	m	4.800	344.000.000	
		Khu vườn kiểu mẫu	Ấp Hưng Lợi	Ô bao số 9, diện tích 71 ha	ha	71	3.200.000.000	
		Xây dựng mới lộ đāl nội bộ		Mặt rộng 3,5 m	m	2.450	2.200.000.000	
		Hạ thế độc lập			m	2.459	1.960.000.000	
		Nâng cấp, sửa chữa 2 cổng hở					1.000.000.000	
3	Mỹ An	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>221.000.000</b>	
		Tuyến đường bờ Nam kênh Tur Mới	Ấp Mỹ Phú B	Thấp sáng đường quê, trồng hoa ven đường	m	3.200	96.000.000	
		Trồng mít sử dụng hệ thống tưới công nghệ cao	Ấp Mỹ Phú B	Sử dụng remote cho hệ thống tưới mít trên diện rộng	ha	1	125.000.000	
4	Đốc Binh Kiều	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>320.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu bờ Đông kênh Năm	Ấp 2	Trồng hoa, xây dựng hàng rào, cổng ngõ, thấp sáng đường quê	m	3.200	160.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu trồng Nhân - Sầu riêng	Ấp 2	Hỗ trợ công nghệ tưới, làm đường đāl đi tham quan	ha	0,50	160.000.000	
5	Mỹ Hòa	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>55.000.000</b>	
		Tuyến đường sáng-xanh- sạch- đẹp	Ấp 1, 2,3	Thấp sáng đường quê, cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	m	8.000	30.000.000	
		Tuyến đường hoa	Ấp 1, 2,3	Trồng hoa, xây dựng hàng rào, cổng ngõ và cải tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp	m	6.000	25.000.000	
6	Trường Xuân	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>70.000.000</b>	
		Đường 3 sạch kiểu mẫu	Ấp 6A-B	Nhà sạch, bếp sạch, ngõ sạch	m	3.400	50.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu	Ấp 4	Vườn thông minh	ha	1	20.000.000	
		<b>Tổng kinh phí</b>					<b>2.500.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến bờ bắc kênh Nguyễn văn Tiếp ấp (Mỹ Phước 1)	Xây dựng tuyến đường hoa	m	2.000	300.000.000	

7	Mỹ Quý	Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến bờ đông kênh Mỹ Phước (ấp Mỹ Phước 2)	Xây dựng tuyến đường sáng xanh sạch đẹp	m	4.000	500.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến lộ Hồ Chí Minh (Ấp Mỹ Tây 1)	Xây dựng tuyến đường sáng xanh sạch đẹp	m	2.000	300.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	CDC đường Thét (Ấp Mỹ Tây 2)	Khu dân cư xanh sạch đẹp			300.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến bờ bắc kênh Nguyễn Văn Tiếp (Ấp Mỹ Tây 3)	Xây dựng tuyến đường sáng xanh sạch đẹp	m	2.000	300.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến bờ đông kênh Cái Bèo (Ấp Mỹ Nam 1)	Xây dựng tuyến đường sáng xanh sạch đẹp	m	2.000	300.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Tuyến bờ đông kênh Cái Bèo (Ấp Mỹ Nam 2)	Xây dựng tuyến đường sáng xanh sạch đẹp	m	2.000	300.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu	Ấp Mỹ Nam 1	Vườn cây ăn trái kiểu mẫu			200.000.000	
8	Phú Điền	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>900.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu bờ Nam kênh Tư Mới -Kênh Nguyễn van Tiếp B (Từ ranh xã Mỹ An - ranh xã Thanh Mỹ	Ấp Mỹ Phú - Mỹ Thạnh	Trồng hoa, xây dựng hàng rào, cổng ngõ, thấp sáng đường quê, vườn kiểu mẫu	m	8.000	900.000.000	
9	Láng Biển	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>226.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Đường bờ Tây kênh Láng Biển từ kênh K Bắc đến K4 (Ấp 1, Ấp 2)	Mô hình xây dựng cảnh quan môi trường tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp.	m	4.000	226.000.000	
		<b>Tổng kinh phí</b>					<b>650.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Đường bờ tây kênh K27 (An Phong - 12.000) (ấp 1)	Trồng hoa; làm hàng rào, cổng ngõ; làm cột cờ kết hợp thấp sáng đường quê; lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự; đặt thùng rác	m	2.000	160.000.000	



10	Tân Kiều	Tuyến đường kiểu mẫu	Đường bờ tây kênh K27 (kênh 8.000 - An Phong) (áp 2)	Trồng hoa; làm hàng rào, cổng ngõ; làm cột cờ kết hợp thả sáng đường quê; lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự; đặt thùng rác	m	1.600	130.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Đường nhựa bờ nam kênh 8.000 (kênh Nhất - kênh K27) (áp 3)	Trồng hoa; làm hàng rào, cổng ngõ; làm cột cờ kết hợp thả sáng đường quê; lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự; đặt thùng rác	m	3.000	250.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Đường bờ đông kênh Nhi (kênh 5.000 - Lộ N2) (áp 4)	Trồng hoa; làm hàng rào, cổng ngõ; làm cột cờ kết hợp thả sáng đường quê; lắp đặt camera giám sát an ninh trật tự; đặt thùng rác	m	1.300	110.000.000	
11	Hưng Thạnh	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>690.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Bờ đông kênh Đường Thét (Mường Lộ - kênh 8 Phước) thuộc áp 3	Vận động người dân dựng trụ đèn thả sáng đường quê, phát hoang trồng hoa ven đường tạo cảnh quan môi trường tuyến đường lộ giao thông nông thôn	m	2.000	20.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu	Đường bờ nam kênh Đồng Tiến (An Tiến - ranh Trường Xuân) thuộc áp 4	Vận động người dân dựng trụ đèn thả sáng đường quê, phát hoang trồng hoa ven đường tạo cảnh quan môi trường tuyến đường lộ giao thông nông thôn	m	3.200	70.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu	Áp 1	Mô hình nuôi cá trạch lấu trên bể	ha	0,20	400.000.000	
		Mô hình sản xuất kiểu mẫu	Áp 2A	Nuôi cá giống, cá thịt trong bể	ha	0,12	200.000.000	
12	Thanh Lợi	<b>Tổng kinh phí</b>					<b>599.000.000</b>	
		Tuyến đường kiểu mẫu bờ Tây kênh Công Sự	Áp 1	Làm cột cờ, trụ đèn, trồng hoa	m	3.000	273.000.000	
		Tuyến đường hoa bờ Tây kênh Công Sự	Áp 2	Trồng hoa	m	2.500	102.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu bờ Nam Phước Xuyên	Áp 4	Làm cột cờ, trụ đèn, trồng hoa	m	1.000	112.000.000	
		Tuyến đường kiểu mẫu bờ Nam Phước Xuyên	Áp 5	Làm cột cờ, trụ đèn, trồng hoa	m	1.000	112.000.000	



	Mô hình sản xuất hàng hóa nông nghiệp bền vững	Ấp 4	Liên kết sản xuất lúa giống bền vững	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>							<b>14.154.000.000</b>

**Phụ lục 6**  
**ĐĂNG KÝ MÔ HÌNH XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU THEO CHUYÊN ĐỀ**  
*(Kèm theo Kế hoạch số: 9355/KH-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười)*

STT	Xã	Tên mô hình theo Chuyên đề	Nội dung thực hiện	Yêu cầu tiêu chí	Năm thực hiện "Đạt"	Ghi chú
1	Mỹ Đông	"Môi trường"	Tỷ lệ hộ dân xây dựng cảnh quan, nơi ở xanh – sạch – đẹp	≥ 95%	2024	
			Có mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hoạt động có hiệu quả.	≥ 90%	2024	
			Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung và máy lọc nước gia đình.	≥ 50%	2024	
2	Thanh Mỹ	"An ninh trật tự - Hành chính công"	Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính	≥ 98%	2024	
			Tỷ lệ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính trước và đúng hạn	≥ 99%	2024	
			Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	≥ Mức độ 3	2024	